

Tăng cường hợp tác đào tạo với các ngành công nghiệp, gắn liền đào tạo với sản xuất. Khẳng định uy tín, chất lượng đào tạo hàng đầu đối với xã hội.

Đạt được sự công nhận lẫn nhau về chương trình đào tạo, chất lượng đào tạo và bằng cấp giữa Viện Kỹ Thuật Điện, ĐHBK Hà Nội với các trường thuộc đẳng cấp cao của khu vực và thế giới.

2. Về nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ:

Xây dựng Viện KTĐ thuộc Trường ĐHBK Hà Nội thành trung tâm NCKH hàng đầu của Việt Nam trong lĩnh vực KTĐ. Xây dựng được các nhóm nghiên cứu mạnh có khả năng giải quyết các vấn đề trọng yếu nhất của công nghiệp trong lĩnh vực KTĐ.

Thúc đẩy NCKH, tạo điều kiện và cơ hội để đội ngũ giảng viên lấy NCKH làm một trong hai nội dung hoạt động chuyên môn chính. Tăng cường hợp tác với công nghiệp và dần tạo được nguồn thu nhập hợp pháp đáng kể từ chuyển giao công nghệ.

Các GS, PGS trong Viện phải là các nhà khoa học chuyên ngành hàng đầu của cả nước, là thành viên của các Hội đồng quốc gia (và quốc tế) khi thẩm định chương trình đào tạo, đề tài Khoa học - Công nghệ các chuyên ngành trong lĩnh vực Kỹ thuật điện.

Các giảng viên, cán bộ nghiên cứu của Trường có các đề tài, công trình KH-CN có giá trị với số lượng đáng kể, thể hiện qua các bài báo đăng trên các tạp chí có uy tín ở trong nước và quốc tế, các giải pháp công nghệ đem lại hiệu quả kinh tế cao và có ý nghĩa xã hội hơn.

Nghiên cứu xây dựng các dự án, chương trình nghiên cứu mang tính liên ngành, giải quyết các vấn đề mang tính chiến lược của Nhà nước, đóng vai trò quan trọng vào quá trình phát triển chung của các ngành trong lĩnh vực KTĐ của Việt Nam.

3. Về hợp tác trong nước và quốc tế:

Chủ động, tích cực thực hiện đa phương hoá, đa dạng hoá các quan hệ hợp tác về đào tạo, nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ với các đơn vị khác trong ĐHBK Hà Nội và các trường đại học trên cả nước, với các tổ chức, doanh nghiệp trong nước và quốc tế.

Chú trọng, tăng cường các mối liên hệ, hợp tác gắn bó giữa Viện với doanh nghiệp. Lấy cựu sinh viên làm nòng cốt để xây dựng các mối quan hệ với doanh nghiệp. Ủng hộ, khuyến khích, tổ chức các hoạt động khoa học phối hợp giữa các giảng viên, sinh viên của Viện với các doanh nghiệp. Tạo cầu nối, môi trường thuận lợi để gắn kết các doanh nghiệp với cán bộ, sinh viên của Viện để thực hiện tốt các hoạt động hợp tác nghiên cứu khoa học, cụ thể hoá và hoàn thiện nhận thức về lý thuyết, thực tế của người học, hỗ trợ học tập nghiên cứu cho các học viên, sinh viên.

Tạo điều kiện để cán bộ khoa học, giảng viên của Viện được đi học, bồi dưỡng kiến thức, tham dự hội thảo khoa học ở nước ngoài. Ủng hộ, khuyến khích các hoạt động, hợp tác với nước ngoài trong đào tạo, NCKH - CGCN.

Khuyến khích, tạo điều kiện cho các cán bộ khoa học, giảng viên của Viện tham gia chủ trì, tổ chức các hội thảo khoa học quốc tế tại Việt Nam và tại Trường và tham gia các hoạt động chuyên môn khác của các tổ chức ngành Điện trong khu vực và quốc tế.

Khai thác có hiệu quả các mối quan hệ HTQT, thu hút các nguồn tài trợ, học bổng, của các tổ chức quốc tế, các cơ sở đào tạo, NCKH ở các nước trên thế giới nhằm phục vụ sự nghiệp phát triển và hội nhập quốc tế của Viện thông qua công tác đào tạo nguồn nhân lực và NCKH.

Tìm kiếm và vận động các nguồn tài trợ nhằm mục đích đầu tư tăng cường năng lực đào tạo và NCKH của Viện.

Tổ chức triển khai các chương trình, dự án, đề tài NCKH song phương và đa phương về lĩnh vực KTĐ.

4. Về xây dựng đội ngũ cán bộ:

Xây dựng đội ngũ cán bộ, giảng viên có đủ phẩm chất và năng lực để thực hiện các nhiệm vụ đặt ra. Đây là khâu quyết định đến sự thành công của Viện KTĐ trong tương lai. Có chính sách tuyển dụng hợp lý, ưu tiên tạo điều kiện đào tạo, bồi dưỡng cán bộ trẻ, trình độ cao, đặc biệt là tạo môi trường làm việc tốt để thu hút được cán bộ giỏi về công tác. Không ngừng nâng cao tỷ lệ giảng viên có trình độ tiến sỹ, học hàm PGS, GS.

5. Về cải cách hành chính và cơ cấu quản lý:

Viện có hệ thống quy chế tổ chức, điều hành thích hợp nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn nhân lực và cơ sở vật chất trang thiết bị, đảm bảo kích thích sự phát triển và nâng cao năng lực của đội ngũ cán bộ viên chức trong Viện.

KTĐ có cơ cấu tổ chức và quản lý phù hợp với mô hình tổ chức của Trường ĐHBK Hà Nội, đổi mới tổ chức và quản lý theo hướng tăng cường tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm theo sự phân cấp, tăng cường tính năng động, sáng tạo và phát huy mọi nguồn lực cho sự phát triển của Viện.

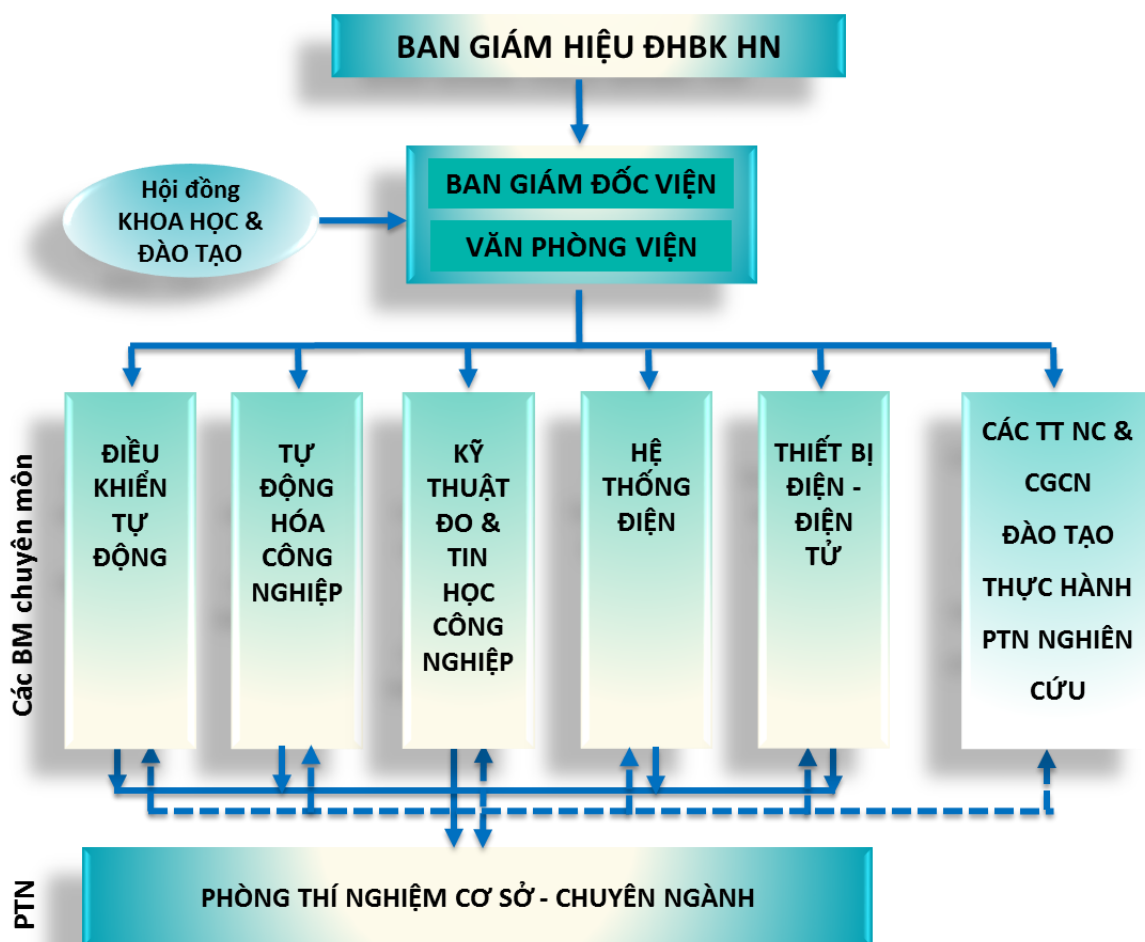
Chuẩn hóa hệ thống văn bản, giấy tờ lưu hành trong Viện theo chuẩn ISO của Nhà trường. Số hóa các văn bản hành chính, tiến tới xây dựng hệ thống lưu trữ cơ sở dữ liệu một cách đầy đủ và khoa học.

Trên cơ sở chiến lược phát triển của Viện và tầm nhìn 2020, xác định rõ vai trò, nhiệm vụ, phạm vi chuyên môn của từng bộ môn, trung tâm. Xây dựng cơ chế phối hợp giữa các đơn vị nhằm nâng cao hiệu quả công việc. Đổi mới và hoàn thiện cơ cấu tổ chức, quản lý nhằm tạo điều kiện để các cán bộ giảng dạy, cán bộ phục vụ giảng dạy tham gia một cách có hiệu quả vào quá trình đào tạo và NCKH trên cơ sở củng cố các nhóm chuyên môn (nhóm môn học và nhóm thí nghiệm, thực hành).

Cán bộ hành chính phải là các cán bộ chuyên nghiệp và được đào tạo, bồi dưỡng để có kỹ năng làm việc chuyên nghiệp.

II. Kế hoạch triển khai thực hiện

1. Cơ cấu tổ chức



2. Chỉ tiêu chất lượng về đội ngũ cán bộ:

Bảng 1: Chỉ tiêu chất lượng về cán bộ

TT	Chỉ tiêu chất lượng về cán bộ	Tỉ lệ / số lượng
1	Tỷ lệ đội ngũ giảng viên có trình độ ThS trên tổng số giảng viên	100%
2	Tỷ lệ đội ngũ giảng viên có trình độ TS trên tổng số giảng viên	70%
3	Tỷ lệ giảng viên có trình độ TS được đào tạo ở nước ngoài trên tổng số TS	80%
4	Số lượng giảng viên có học hàm GS, PGS	15

3. Về đào tạo, nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ

Bảng 2: Chỉ tiêu đăng ký về chất lượng đào tạo đại học

TT	Chỉ tiêu chất lượng đào tạo	Tỉ lệ
1	Tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp đạt loại xuất sắc hàng năm	0,3%
2	Tỉ lệ sinh viên tốt nghiệp đạt loại giỏi hàng năm	8%
3	Tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp đạt loại khá hàng năm	80%
4	Giảm tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp loại trung bình hàng năm xuống	11,7%
5	Tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp có việc làm sau 3 tháng ra trường	85% (trên số lượng mẫu khảo sát)

Bảng 3: Chỉ tiêu đăng ký về nghiên cứu khoa học & CGCN

TT	Chỉ tiêu về nghiên cứu khoa học & CGCN	Số lượng / Tỉ lệ
1	Số lượng đề tài cấp trường hàng năm	05
2	Số lượng đề tài cấp Sở hàng năm	02
3	Số lượng đề tài cấp Bộ hàng năm	02
4	Số lượng đề tài cấp Nhà nước	01
5	Số lượng hợp đồng hợp tác NCKH & CGCN với đối tác công nghiệp	05
6	Tỷ lệ các đề tài NCKH cấp trường được nghiệm thu thành công và đúng thời hạn	100%

4. Cơ sở vật chất:

- Kiện toàn và nâng cấp các Phòng thí nghiệm chuyên ngành phục vụ các môn học, cho sinh viên làm thí nghiệm.
- Nâng cấp các phòng thí nghiệm trình độ cao phục vụ cho nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ.
- Sắt nhập Trung tâm bảo dưỡng công nghiệp về Viện Điện, xây dựng thành Trung tâm đào tạo thực hành trực thuộc viện Điện.
- Hợp tác với các doanh nghiệp, đối tác công nghiệp trong và ngoài nước để cùng xây dựng, phát triển các phòng thí nghiệm, trung tâm đào tạo thực hành với sự đầu tư trang thiết bị, công nghệ mới nhất.

5. Về hợp tác trong và ngoài nước:

- Tăng cường hợp tác với các trường ĐH, Viện nghiên cứu trong và ngoài nước để trao đổi, hợp tác nghiên cứu khoa học, trao đổi học thuật.
- Tìm kiếm các nguồn tài trợ, học bổng, chương trình hợp tác đào tạo với các trường nước ngoài để trao đổi cán bộ, sinh viên, học viên cao học, NCS đi thực tập, đào tạo trình độ cao (thạc sĩ, nghiên cứu sinh).

- Tăng cường hợp tác với doanh nghiệp, các cơ sở xí nghiệp, nhà máy, công ty trong và ngoài nước để tìm kiếm cơ hội việc làm, hợp tác đào tạo công nghiệp, chuyển giao công nghệ.

**BAN LÃNH ĐẠO VIỆN ĐIỆN
VIỆN TRƯỞNG**